

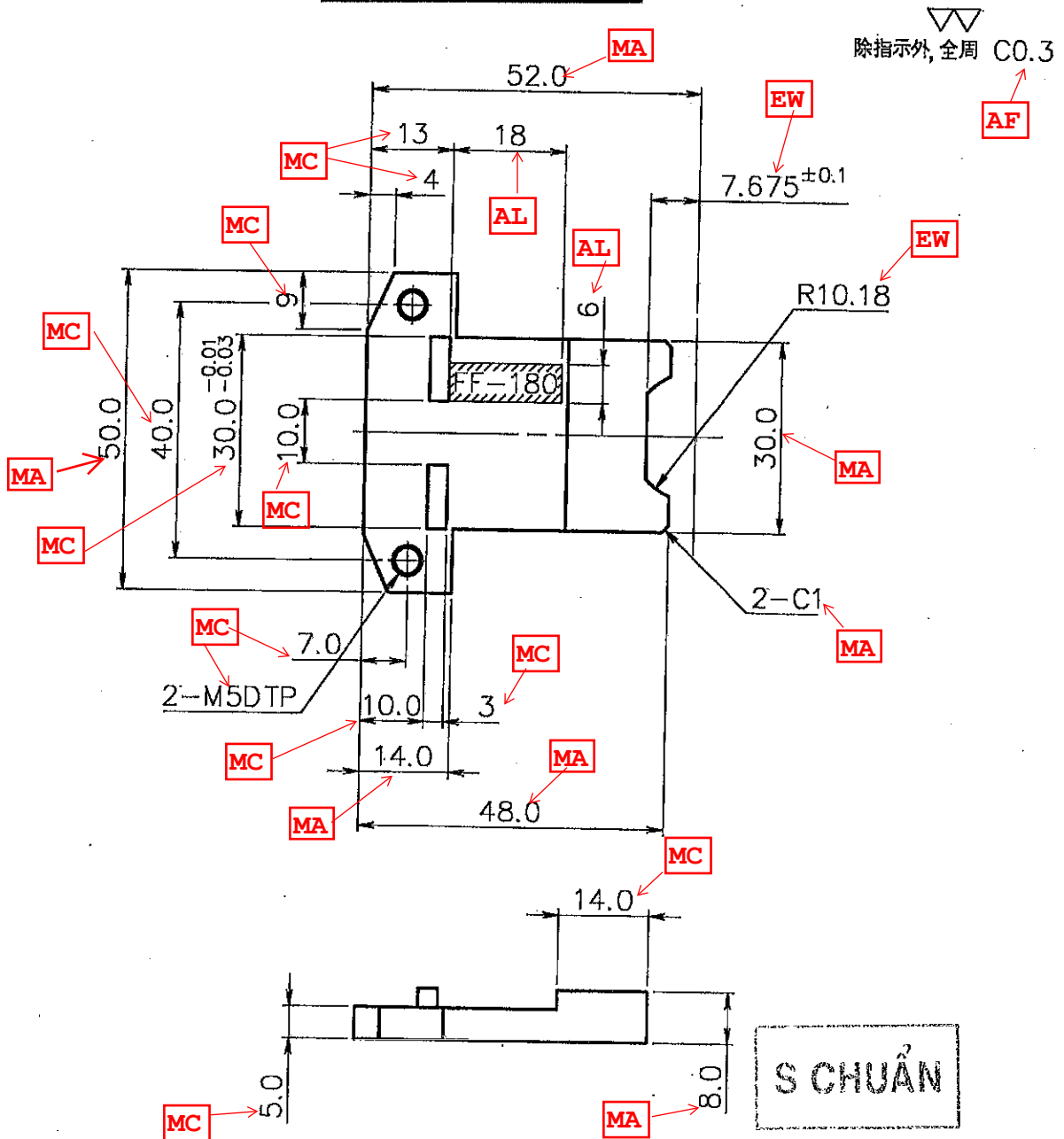
311 0023

4143110023.5719569 - GIA CONG - 31/01/2024

訂正Rev	日	付

XUẤT BẢN VẼ
BẢN VẼ DÙNG CHẾ TẠC - NGHIỆM THU
HỦY SAU KHI HOÀN TẤT ĐO NOT COPY
2023.11.02
P.QLKTSX VDM

金 型 加 工 公 差 表 示			
0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰ ₋₀	+0 ^{+0.005} ₋₀
0.000	±0.005	0.000 ⁺⁰ ₋₀	+0 ^{+0.005} ₋₀
0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰ ₋₀	+0 ^{+0.01} ₋₀
0.0	±0.1	0.00 ⁺⁰ ₋₀	+0 ^{+0.01} ₋₀
0.	±0.2	0.0 ⁺⁰ ₋₀	+0 ^{+0.1} ₋₀
		0.0 ⁺⁰ ₋₀	+0 ^{+0.1} ₋₀
圖面上有公差表示時, 以圖面公差優先			



註: // 範圍刻印機種名 FF-180
刻印字體清晰可見即可

加工工程
01
02
03
04
05
06
07
08
09
10
11
12

部 品 名		材 質	數 量	設 備 名 稱		
夾爪(後工程用)		A2017S	7	C式指狀物爪本體		
熱 處 理	表 面 處 理	檢 圖	設 計	製 圖	日 期	共 通 部 品 番 號
燒入 燒灰		曾中照	劉安昌	劉安昌	1999/09/20	
尺 度	第三 角法	圖面 番號	TM80-017T-00-1-016-AA			訂正REV
1:1 (/)						

M53227.DWG

SNO: **S719569**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: A6061 T8*55*57	AA:20 MA:25 MC:30 EW:30 AF:10 AL:10 KT